

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ KIẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP KỸ SƯ ĐỢT THÁNG 3 NĂM 2023

| STT | Mã SV | Họ đệm | Tên | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành | STC TL | TBC TL | Xếp loại TN |
|-----|---------|------------------|-------|-----------|---------|-----------|------------|-------------------|--|--------|--------|-------------|
| 1 | 1800175 | Lê Minh | Đăng | Nam | Kinh | Việt Nam | 17/10/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 152 | 2.58 | Khá |
| 2 | 1800864 | Trần Thanh | Hoàng | Nam | Kinh | Việt Nam | 15/9/1999 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 150 | 2.74 | Khá |
| 3 | 1800132 | Tăng Trường | Huy | Nam | Kinh | Việt Nam | 30/3/2000 | Tỉnh Cà Mau | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 153 | 2.84 | Khá |
| 4 | 1800337 | Phạm Văn | Khải | Nam | Kinh | Việt Nam | 19/6/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 151 | 2.61 | Khá |
| 5 | 1800200 | Trần Chí | Đãm | Nam | Kinh | Việt Nam | 21/6/2000 | Tỉnh Bạc Liêu | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.63 | Khá |
| 6 | 1800509 | Lê Hoàng | Huy | Nam | Kinh | Việt Nam | 29/01/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.58 | Khá |
| 7 | 1800389 | Nguyễn Hoàng | Long | Nam | Kinh | Việt Nam | 31/7/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.53 | Khá |
| 8 | 1700552 | LÀNG HỒ THIÊN | PHONG | Nam | Hoa | Việt Nam | 25/8/1999 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.72 | Khá |
| 9 | 1500147 | TRẦN QUANG | VINH | Nam | Kinh | Việt Nam | 30/07/1997 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.45 | Trung bình |
| 10 | 1800550 | Trần Nhân | Hậu | Nam | Kinh | Việt Nam | 06/4/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 150 | 2.67 | Khá |
| 11 | 1800492 | Tăng Như | Ý | Nữ | Kinh | Việt Nam | 19/6/2000 | Tỉnh Bạc Liêu | Công nghệ thực phẩm | 150 | 2.46 | Trung bình |
| 12 | 1800122 | Nguyễn Thị Quỳnh | Như | Nữ | Kinh | Việt Nam | 09/7/2000 | Thành phố Cần Thơ | Hệ thống thông tin | 150 | 2.65 | Khá |
| 13 | 1700406 | QUÁCH | TOÀN | Nam | Hoa | Việt Nam | 17/9/1999 | Tỉnh Sóc Trăng | Hệ thống thông tin | 150 | 2.24 | Trung bình |
| 14 | 1700438 | NGUYỄN QUỐC | TƯỜNG | Nam | Kinh | Việt Nam | 28/3/1999 | Thành phố Cần Thơ | Hệ thống thông tin | 152 | 2.16 | Trung bình |
| 15 | 1800618 | Trần Trịnh | An | Nam | Khmer | Việt Nam | 28/8/2000 | Tỉnh Sóc Trăng | Khoa học máy tính | 151 | 2.55 | Khá |
| 16 | 1800826 | Nguyễn Trọng | Anh | Nam | Kinh | Việt Nam | 12/12/2000 | Thành phố Cần Thơ | Khoa học máy tính | 153 | 2.50 | Khá |
| 17 | 1800176 | Huỳnh Gia | Bảo | Nam | Kinh | Việt Nam | 22/3/2000 | Tỉnh Cà Mau | Khoa học máy tính | 151 | 2.61 | Khá |
| 18 | 1700327 | NGUYỄN KHÁNH | DU | Nam | Kinh | Việt Nam | 03/5/1999 | Tỉnh Bạc Liêu | Khoa học máy tính | 152 | 2.31 | Trung bình |
| 19 | 1800634 | Mai Thanh | Long | Nam | Kinh | Việt Nam | 31/10/2000 | Thành phố Cần Thơ | Khoa học máy tính | 151 | 2.57 | Khá |
| 20 | 1800179 | Nguyễn Hữu | Phước | Nam | Kinh | Việt Nam | 20/11/2000 | Tỉnh An Giang | Khoa học máy tính | 151 | 2.34 | Trung bình |
| 21 | 1800678 | Phan Văn | Roi | Nam | Kinh | Việt Nam | 08/10/2000 | Thành phố Cần Thơ | Khoa học máy tính | 151 | 2.37 | Trung bình |
| 22 | 1800404 | Đào Nhựt | Tân | Nam | Kinh | Việt Nam | 19/7/2000 | Tỉnh Tiền Giang | Khoa học máy tính | 151 | 3.13 | Khá |
| 23 | 1800343 | Lê Tiến | Thành | Nam | Kinh | Việt Nam | 05/5/2000 | Tỉnh Sóc Trăng | Khoa học máy tính | 151 | 2.25 | Trung bình |
| 24 | 1800485 | Trần Đức | Thành | Nam | Kinh | Việt Nam | 10/7/2000 | Tỉnh Kiên Giang | Khoa học máy tính | 151 | 2.71 | Khá |
| 25 | 1800812 | Sử Phú | Thịnh | Nam | Kinh | Việt Nam | 04/02/2000 | Tỉnh Bạc Liêu | Khoa học máy tính | 151 | 2.57 | Khá |
| 26 | 1800695 | Phạm Minh | Hiếu | Nam | Kinh | Việt Nam | 20/01/2000 | Tỉnh An Giang | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp | 150 | 2.25 | Trung bình |
| 27 | 1800620 | Lê Trung | Kiên | Nam | Kinh | Việt Nam | 01/01/2000 | Tỉnh An Giang | Kỹ thuật hệ thống công nghiệp | 150 | 2.39 | Trung bình |
| 28 | 1800098 | Lê Thanh | Bình | Nam | Kinh | Việt Nam | 28/01/2000 | Thành phố Cần Thơ | Kỹ thuật phần mềm | 150 | 2.39 | Trung bình |
| 29 | 1800318 | Hồ Minh | Nhật | Nam | Kinh | Việt Nam | 22/6/2000 | Tỉnh Trà Vinh | Kỹ thuật phần mềm | 150 | 2.52 | Khá |

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 18.2.2023

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---------|--------------------|------|-----|------|----------|------------|-------------------|-------------------|-----|------|------------|
| 1 | 1800253 | Nguyễn Triệu Quang | Minh | Nam | Kinh | Việt Nam | 07/5/2000 | Thành phố Cần Thơ | Khoa học máy tính | 152 | 2.53 | Khá |
| 2 | 1800054 | Trần Thị Xuân | Thu | Nữ | Kinh | Việt Nam | 12/12/2000 | Thành phố Cần Thơ | Khoa học máy tính | 151 | 2.42 | Trung bình |
| 3 | 1800350 | Lê Bảo | Toàn | Nam | Kinh | Việt Nam | 27/11/2000 | Thành phố Cần Thơ | Kỹ thuật phần mềm | 150 | 3.03 | Khá |
| 4 | 1600142 | Lưu Phước | Trí | Nam | Hoa | Việt Nam | 19/4/1998 | Tỉnh An Giang | Quản lý xây dựng | 150 | 2.32 | Trung bình |

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 20.2.2023

| | | | | | | | | | | | | |
|----|---------|-------------|--------|-----|------|----------|------------|-------------------|--|-----|------|------------|
| 1 | 1800417 | Nguyễn Tuấn | Bảo | Nam | Kinh | Việt Nam | 09/11/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 153 | 2.64 | Khá |
| 2 | 1800392 | Võ Phương | Nguyên | Nam | Kinh | Việt Nam | 28/02/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 152 | 2.55 | Khá |
| 3 | 1800646 | Phạm Chí | Thanh | Nam | Kinh | Việt Nam | 16/11/2000 | Tỉnh An Giang | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 152 | 2.40 | Trung bình |
| 4 | 1800183 | Nguyễn Minh | Trí | Nam | Kinh | Việt Nam | 01/5/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 152 | 2.34 | Trung bình |
| 5 | 1800438 | Võ Văn Tính | Anh | Nam | Kinh | Việt Nam | 30/3/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.30 | Trung bình |
| 6 | 1800152 | Thái | Bảo | Nam | Kinh | Việt Nam | 24/7/2000 | Tỉnh Sóc Trăng | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.75 | Khá |
| 7 | 1800757 | Huỳnh Thanh | Đầy | Nam | Kinh | Việt Nam | 13/4/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.44 | Trung bình |
| 8 | 1800535 | Huỳnh Khánh | Duy | Nam | Kinh | Việt Nam | 23/01/2000 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.45 | Trung bình |
| 9 | 1700126 | PHAN VIỆT | HẮN | Nữ | Kinh | Việt Nam | 03/4/1999 | Tỉnh Sóc Trăng | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 3.00 | Khá |
| 10 | 1800593 | Trần Thanh | Phước | Nam | Kinh | Việt Nam | 12/8/1999 | Tỉnh Sóc Trăng | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.78 | Khá |
| 11 | 1800745 | Lê Thanh | Phương | Nam | Kinh | Việt Nam | 26/5/2000 | Tỉnh Sóc Trăng | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.57 | Khá |
| 12 | 1800234 | Đỗ Tiến | Vĩ | Nam | Kinh | Việt Nam | 10/12/2000 | Tỉnh Sóc Trăng | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.62 | Khá |
| 13 | 1700142 | VÕ HOÀNG | VINH | Nam | Kinh | Việt Nam | 14/5/1999 | Tỉnh Cà Mau | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | 150 | 2.72 | Khá |

| STT | Mã SV | Họ đệm | Tên | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành | STC TL | TBC TL | Xếp loại TN |
|-----|---------|------------|-------|-----------|---------|-----------|------------|-------------------|---------------------|--------|--------|-------------|
| 14 | 1700213 | NGUYỄN HỮU | TRỌNG | Nam | Kinh | Việt Nam | 17/11/1999 | Tỉnh An Giang | Công nghệ thực phẩm | 150 | 2.31 | Trung bình |
| 15 | 1800696 | Lê Tường | Vy | Nữ | Kinh | Việt Nam | 22/02/2000 | Thành phố Cần Thơ | Hệ thống thông tin | 150 | 2.35 | Trung bình |
| 16 | 1800287 | Phan Trung | Điền | Nam | Kinh | Việt Nam | 02/02/2000 | Tỉnh Bạc Liêu | Khoa học máy tính | 151 | 3.24 | Giỏi |
| 17 | 1800043 | Trần Văn | Phi | Nam | Kinh | Việt Nam | 29/11/2000 | Thành phố Cần Thơ | Khoa học máy tính | 151 | 2.63 | Khá |

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 23.2.2023

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---------|------------------|------|-----|------|----------|------------|-------------------|----------------------------------|-----|------|-----|
| 1 | 1700031 | ĐỖ MẠNH | HÙNG | Nam | Kinh | Việt Nam | 23/3/1999 | Thành phố Cần Thơ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 150 | 2.57 | Khá |
| 2 | 1800345 | Nguyễn Phương | Nam | Nam | Kinh | Việt Nam | 02/01/2000 | Tỉnh Kiên Giang | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 151 | 2.72 | Khá |
| 3 | 1800125 | Nguyễn Lê Phương | Duy | Nam | Kinh | Việt Nam | 06/11/2000 | Tỉnh Vĩnh Long | Kỹ thuật phần mềm | 151 | 2.76 | Khá |
| 4 | 1800461 | Châu Thanh | Hải | Nam | Kinh | Việt Nam | 18/8/2000 | Tỉnh Kiên Giang | Kỹ thuật phần mềm | 151 | 2.72 | Khá |
| 5 | 1800532 | Phạm Quốc | Huy | Nam | Kinh | Việt Nam | 31/7/2000 | Thành phố Cần Thơ | Kỹ thuật phần mềm | 150 | 2.93 | Khá |